TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 462/2023/DS-PT
Ngày: 13-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng;

Ông Phạm Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3773/2023/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Hồ Minh P, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1964; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Minh P trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm, quen biết nên bà P có tham gia các dây hụi do bà O làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

- Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/10/2022, hụi có 30 phần, bà tham gia 01 phần, hụi khui đến kỳ thứ 26, bà đóng được số tiền 26.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 27/5/2022, hụi có 28 phần, bà tham gia 01 phần, hụi khui đến kỳ thứ 12, mỗi tháng hụi bỏ 200.000 đồng, số tiền thực tế bà đã đóng hụi cho bà O là 9.600.000 đồng.

- Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 17/5/2022, hụi có 28 phần, bà tham gia 01 phần, hụi khui được đến kỳ thứ 8, mỗi tháng hụi bỏ 200.000đồng, số tiền thực tế bà đã đóng hụi cho bà O là 6.400.000 đồng.

Ngày 15/5/2023, bà O tuyên bố bể hụi nhưng không trả tiền cho bà nên bà khởi kiện.

Tại đơn khởi kiện, bà trình bày bà O nợ bà số tiền là 44.400.000 đồng. Bà yêu cầu bà O cùng chồng là ông Đỗ Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền là 44.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà tính lại số tiền nợ, bà O còn nợ bà số tiền hụi là 42.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà O trả tiền nợ hụi nhưng bà O không trả.

Nay bà yêu cầu bà O và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi gốc là 42.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày bà O tuyên bố bể hụi (ngày 15/5/2023) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2023) là 3,5 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi yêu cầu là: 42.000.000đồng x 0,83%/tháng x 3,5 tháng = 1.220.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 43.220.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà P. Bà làm chủ hụi hơn 20 năm nay, bà P có tham gia các dây hụi như bà P nêu. Bà thừa nhận bà còn nợ bà P tổng số tiền hụi gốc và lãi là 43.220.000 đồng và bà đồng ý trả cho bà P số tiền này nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Việc bà làm chủ hụi đều do bà tự làm, chồng bà là ông Đỗ Văn H không biết. Việc bà chơi hụi lúc đầu ông H không biết, sau khi khui hụi được 4,5 kỳ thì ông H biết và không đồng ý cho bà O chơi hụi. Hiện nay các dây hụi bà P khởi kiện vẫn chưa mãn nhưng vì các hụi viên ngưng đóng hụi cho bà nên bà mới ngưng hụi để trả dần tiền cho bà P.

Bà và ông H bắt đầu sống chung từ năm 1984 cho đến nay. Bà và ông H là vợ chồng, ở chung nhà, chung hộ khẩu, ông H làm vườn, bà và ông H không có làm ăn kinh tế riêng.

Bà làm hụi để có tiền dành dụm lo kinh tế sau này. Mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo, ông H ở nhà làm vườn. Tiền lời hụi để chơi hụi khác, hốt hụi xoay trở lo ăn uống trong gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị O, ông và bà O sống chung với nhau từ năm 1984 cho đến nay nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương. Ông và bà O có 02 con chung (con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1990). Trước đây, ông làm nghề chở ghe thuê nhưng sau này do lớn tuổi nên ông chuyển sang làm vườn. Bà O thì buôn bán tạp hóa nhỏ nhưng hiện tại cũng đã nghỉ bán. Trong quá sống chung, ông không biết bà O có tổ chức làm chủ hụi. Thời gian sau này, ông nghe thông tin bà O có tham gia chơi hụi và làm chủ hụi thì ông có nhắc nhở và cũng không đồng ý cho bà O tham gia chơi hụi. Ông có nghe tin bà O bị bể hụi. Ông làm vườn thu huê lợi và đi chở ghe nên có thu nhập để lo cho bản thân và các con. Bà O buôn bán như thế nào thì ông cũng không rõ. Do việc bà O tham gia chơi hụi ông hoàn toàn không biết và cũng không đồng ý để bà O chơi hụi nên ông không đồng ý có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà O.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên:

Căn cứ các điều 26, 35, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 25, 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4, Điều 15, 18, 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Minh P, buộc bà Nguyễn Thị O và ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Minh P số tiền nợ hụi là 43.220.000đ (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), gồm vốn 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng), lãi 1.220.000đ (một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, ông H yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông phải liên đới trả tiền hụi cho bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nội dung giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông H cho rằng từ lúc bà O đứng ra làm chủ hụi thì ông không đồng ý, bà O tự ý tổ chức chơi hụi mà không nghe ý kiến của ông nên ông và bà O tiêu xài tiền riêng, ông sử dụng tiền do ông làm ra, ông không có sử dụng tiền do bà O làm ra từ việc chơi hụi. Vì vậy, ông không đồng ý liên đới cùng bà O trả tiền cho bà P.

Nguyên đơn bà P không đồng ý với kháng cáo của ông H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà O đồng ý với kháng cáo của ông H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Đỗ Văn H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Hồ Minh P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị O và ông Đỗ Văn H có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi là 42.000.000 đồng và tiền lãi là 1.220.000 đồng.

Bị đơn bà O đồng ý trả tiền nợ hụi là 42.000.000 đồng và tiền lãi là 1.220.000 đồng cho bà P nhưng xin trả dần hàng tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H không đồng ý liên đới với bà O trả tiền cho bà P.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà P, bà O đều trình bày thống nhất về quan hệ chơi hụi, bà O là chủ hụi, bà P là hụi viên và có một số hụi viên khác tham gia. Bị đơn bà O trình bày bà là chủ hụi nhưng do một số hụi viên không đóng tiền hụi chết cho bà nên bà không có khả năng choàng tiền cho các hụi viên, bà thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà P là 42.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Đồng thời, bà O cũng đồng ý trả cho bà P số tiền lãi của số tiền nợ hụi 42.00.000đồng từ ngày bà O tuyên bố bể hụi (ngày 15/5/2023) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2023) là 3,5 tháng với lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi yêu cầu là: 42.000.000đồng x 0,83%/tháng x 3,5tháng = 1.220.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà O trả số tiền nợ hụi là 42.000.000 đồng và tiền lãi là 1.220.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 15, 18, 21, 22, 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Nghị định về hụi, họ, biêu, phường.

[2.3] Xét về yêu cầu liên đới:

Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản làm việc ngày 29/8/2023, xác nhận bà O và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 1996, do đó hôn nhân của bà O và ông H là hợp pháp. Sau khi bà O và ông H kết hôn, vợ chồng ông bà không có làm ăn riêng. Bà O làm chủ hụi hơn 20 năm nay với rất nhiều dây hụi; đây là một khoảng thời gian rất dài, mỗi kỳ khui hụi đều tổ chức tại nhà ông H, bà O nhưng ông H không có ý kiến gì. Do đó, có cơ sở xác định ông H biết và không có ý kiến gì đối với việc bà O làm chủ hụi. Từ trước đến nay, bà O và ông H sống chung nhà, cùng làm ăn chung, không có làm ăn riêng. Mục đích bà O tham gia tổ chức chơi hụi là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu và phát triển kinh tế của gia đình. Tại Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Trong trường hợp vợ, chồng kinh doanh chung thì vợ, chồng trực tiếp tham gia quan hệ kinh doanh là người đại diện hợp pháp của nhau trong quan hệ kinh doanh đó, ..."*. Tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*. Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này"*. Do đó, cần buộc ông H cùng có nghĩa vụ liên đới với bà O trả số nợ hụi gốc và lãi là 43.220.000 đồng cho bà P.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ.

Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4, Điều 15, 18, 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Minh P.

Buộc bà Nguyễn Thị O và ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Minh P số tiền 43.220.000đ (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó tiền hụi gốc là 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng), tiền lãi là 1.220.000đ (một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị O và ông Đỗ Văn H phải liên đới chịu án phí số tiền là 2.161.000đ (hai triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Bà Hồ Minh P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.110.000đ (một triệu một trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004007 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000697 ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Trang